TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 76/2024/HS-ST
Ngày 10/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khổng Mỹ Hạnh

Ông Lăng Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại Nhà văn hoá thôn T, xã V huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/12/1963 tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú và chỗ ở trước khi bị bắt: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 026063008296 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/01/2022; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết); có vợ là: Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 16/7/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt 24 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 25/1994/HS-ST (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt.

- *Bị hại*:

+ Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1993, nơi cư trú: Tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990. Vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1976. Vắng mặt

+ Anh Nguyễn Hữu M1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/6/2024, chị Phùng Mỹ L1, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và ông Phạm Văn T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang sau khi phát hiện Nguyễn Hữu K đã bán chiếc xe ô tô, biển số đăng ký: 88C - 225.98 cho người khác và Giấy đăng ký xe ô tô mà K đã đưa cho anh Nguyễn Xuân P (*là chồng của chị Phùng Mỹ L1*) và ông Phạm Văn T trước đó là giấy tờ giả, nên chị P1 Mỹ L1 và ông Phạm Văn T đã gửi đơn đến Công an huyện B tố giác Nguyễn Hữu K có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình xác minh nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang đã tiến hành tổ chức điều tra, xác minh được Nguyễn Hữu K, sinh năm 1963, HKTT: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc *(tạm trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang)* đã có hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 13/8/2024 Cơ quan điều tra Công an huyện B tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Nguyễn Hữu K để điều tra, giải quyết theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện B Nguyễn Hữu K khai nhận: Khoảng tháng 4 năm 2022, Nguyễn Hữu K mua 01 *(một)* chiếc xe ô tô tải thùng, nhãn hiệu HYUNHDAI với hình thức mua trả góp, đồng thời ký kết hợp đồng vay tín chấp với Ngân hàng TMCP T1 - Chi nhánh H, Hà Nội với tổng số tiền là 598.000.000đ *(năm trăm chín mươi tám triệu đồng)*, sau khi Ngân hàng giải ngân và hoàn tất thủ tục đăng ký xe ô tô, Ngân hàng TMCP T1 - Chi nhánh H giữ bản gốc Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, SN: 1963, địa chỉ: thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc, biển số đăng ký: 88C - 225.98, do Phòng C Công an tỉnh V cấp ngày 22/04/2022 có giá trị đến ngày 31/12/2047 và giao cho Nguyễn Hữu K Chứng nhận đăng ký xe ô tô *(bản sao y)* để sử dụng và lưu thông, khi nào tất toán khoản vay Ngân hàng mới trả bản gốc Chứng nhận đăng ký xe ô tô cho K. Sau khi nhận được xe cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô *(bản sao y),* Nguyễn Hữu K giao xe ô tô cho con trai là Nguyễn Hữu M1, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã V, huyện B điều khiển để vận chuyển hàng hóa *(hàng đông lạnh)*. Khoảng tháng 6 năm 2022, Nguyễn Hữu K sử dụng tài khoản Facebook có tên *"Nguyễn Hữu K"* truy cập vào tài khoản trên mạng xã hội Facebook của 01 (*một*) người không quen biết, có thông tin quảng cáo *"Nhận làm tất cả mọi loại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô lấy ngay" (không nhớ tên tài khoản và không biết người hay họ, tên, địa chỉ cụ thể ở đâu),* do làm ăn thua lỗ, cần tiền để xoay vòng nên Nguyễn

Hữu K đã nảy sinh ý định đặt làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô để thế chấp vay tiền của người khác. Nguyễn Hữu K đã đặt làm giả 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*. Khảm gửi ảnh chụp hai mặt bản phô tô sao y Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459 qua ứng dụng Messenger cho đối tượng nhận làm giả. Được khoảng một tuần sau thì có nhân viên giao hàng đến giao cho K 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (*K không biết người nhân viên giao hàng là ai và không nhớ các đặc điểm nhận dạng*).

Quá trình làm ăn thua lỗ, khó khăn về tài chính cần tiền để xoay vòng, Nguyễn Hữu K nói với con trai Nguyễn Hữu M1 xem có chỗ nào quen biết vay được tiền để có vốn làm ăn. Do có mối quan hệ làm ăn và biết vợ chồng Nguyễn Xuân P, sinh năm 1993; Phùng Mỹ L1, sinh năm 1997, cùng trú tại tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, M1 đã tìm gặp và trao đổi với vợ chồng Phương L2 về việc bố của M1 *(là ông K)* muốn vay một ít tiền để làm ăn. Ngày 04/7/2022, Nguyễn Xuân P đến nhà Nguyễn Hữu K hỏi mua xe, K nói: "*xe vừa mua chưa muốn bán, nhưng chú đang cần tiền để xoay vòng hàng, cháu có cho chú vay một ít để làm ăn, nếu không tin tưởng chú đưa cho cháu giữ Chứng nhận đăng ký xe ô tô, nếu chú không trả được thì chú bán cho cháu chiếc xe ô tô BKS: 88C - 225.98 của chú cho cháu với giá 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)"*, qua thỏa thuận thống nhất P cho K vay số tiền là 180.000.000đ *(một trăm tám mươi triệu đồng)* và ấn định thời hạn vay là một tháng, lãi suất tính theo lãi Ngân hàng, nếu không trả được theo thỏa thuận thì K phải bán xe ô tô đó cho P và P trả thêm cho K số tiền là 320.000.000đ *(ba trăm hai mươi triệu đồng)* để P lấy xe ô tô. Để đảm bảo khoản vay và nghĩa vụ trả nợ, P yêu cầu K phải viết "Giấy bán, cho, tặng xe" với nhau, do số tiền cầm đi để cho K vay là tiền của Phùng Mỹ L1 *(vợ của P)* nên P yêu cầu viết giấy bán, cho, tặng xe nhưng đứng tên người mua thì để trống, sau đó K nhờ con dâu là Phạm Thị L *(vợ của M1)* viết hộ "Giấy bán, cho, tặng xe", P đọc cho L viết với nội dung *"Ngày 04/7/2022, Nguyễn Hữu K bán cho (Để trống tên và địa chỉ người mua) 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu Hyunhdai, màu sơn Trắng, BKS: 88C - 225.98 với giá 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và đặt cọc trước cho ông K với số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) số tiền còn lại hẹn một tháng sau giao xe ô tô sẽ thanh toán hết"* và P yêu cầu L viết thêm vào mặt sau với nội dung *"Do đặc thù công việc tôi có mượn lại chiếc xe để sử dụng công việc, một thời gian sau khi nào giao nốt số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng) tôi sẽ bàn giao xe nếu hỏng hóc tôi xin chịu trách nhiệm"* sau khi viết xong L đưa cho K ký vào mục người bán, cho, tặng xe và mặt sau của "Giấy bán, cho, tặng xe", rồi đưa cho P giữ, P trực tiếp đưa cho K số tiền 180.000.000đ *(một trăm tám mươi triệu đồng)* tại gia đình nhà K sau đó K đưa cho P 01 *(một)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, sinh năm 1963, địa chỉ Thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc, biển số đăng ký: 88C - 225.98 mà K đã đặt làm giả trước đó cùng 01 *(một)* chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu K *(bản phô tô)*. P cầm "Giấy bán, cho, tặng xe" đi về. Về đến nhà P viết tên và địa chỉ của vợ *(Phùng Mỹ L1)* vào mục người mua rồi đưa cho vợ cất giữ. Được khoảng hơn ba tháng sau, thấy quá hạn trả nợ P có đến nhà tìm K nhiều lần nhưng không gặp, gọi điện hỏi nhiều lần nhưng K đều trả lời chưa có

tiền trả, xe đang đi giao hàng, P đã đến tận nhà K yêu cầu trả số tiền đã vay nếu không trả được thì làm thủ tục sang tên chiếc xe ô tô đó cho Phùng Mỹ L1 *(vợ P)*, trừ số tiền đã vay P đưa thêm số tiền là 320.000.000đ *(ba trăm hai mươi triệu đồng)* để lấy xe, nhưng K trả lời *"hiện đang khó khăn chưa có tiền trả, còn hiện tại xe ô tô đi chở hàng không ở nhà"*.

Sau khi vay được tiền của vợ chồng Nguyễn Xuân P và Phùng Mỹ L1, Nguyễn Hữu K đã đưa tiền cho con trai để xoay vòng làm ăn, nhưng do làm ăn thua lỗ cần tiền để xoay vòng, nên K đã liên hệ vay tiền với ông Phạm Văn T, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, tuy nhiên ông T yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Ngày 09/01/2023, Nguyễn Hữu K cùng con trai Nguyễn Hữu M1 và con dâu Phạm Thị L đến nhà Đỗ Thị N, sinh năm 1976, trú tại tổ C, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (vợ của T), để làm thủ tục vay tiền. Khi đến nơi K hỏi T vay số tiền 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)* để làm ăn khi nào có sẽ trả, lãi suất cao một tý cũng được, T đồng ý và thống nhất phải trả lãi hàng tháng theo đúng lãi suất của Ngân hàng, T nói *"Để đảm bảo khoản vay và nghĩa vụ trả nợ thì tất cả các thành phần có mặt ở đây ngày hôm nay phải cùng ký vào giấy vay tiền, ông K và con trai phải ký vào mục người vay tiền còn bà N và vợ anh M1 ký vào mục người chứng kiến"*. Sau đó T nhờ vợ là Đỗ Thị N viết hộ "Giấy vay tiền" với nội dung: *"Ngày 09/01/2023 ông Phạm Văn T cho ông Nguyễn Hữu K và ông Nguyễn Hữu M1 vay số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) mục đích để làm ăn, tài sản thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 88C - 225.98, phương thức thanh toán tiền mặt, lãi suất theo thỏa thuận của hai bên trả lãi theo lãi suất ngân hàng, thời gian vay từ 09/01/2023 đến 09/4/2023"*. Sau khi viết xong N đưa cho K và M1 cùng ký tên vào mục người vay tiền, T ký tên vào mục người cho vay tiền, N và L cùng ký tên vào mục người chứng kiến, sau đó T đưa cho K số tiền là 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)* tại bàn uống nước của gia đình, K đưa cho T 01 *(một)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, sinh năm 1963, địa chỉ Thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc, biển số đăng ký: 88C - 225.98 mà K đã đặt làm giả trước đó, rồi cùng nhau đi về. Đến thời hạn trả nợ, do làm ăn thua lỗ Khảm chưa trả được tiền cho T như thỏa thuận, T đến đòi nhiều lần, mỗi lần Khảm trả được cho T một ít và đã trả được cho T với tổng số tiền là 40.000.000đ *(bốn mươi triệu đồng),* số tiền còn nợ lại là 110.000.000đ *(một trăm mười triệu đồng)* Khảm khất lo thu xếp trả dần.

Sau một thời gian Nguyễn Hữu K không trả được nợ, qua tìm hiểu vợ chồng Nguyễn Xuân P, Phùng Mỹ L1 và Phạm Văn T biết K đã bán chiếc xe ô tô cho người khác và Giấy đăng ký xe ô tô mà K đã đưa cho P và T trước đó là giấy tờ giả. Ngày 24/6/2024 Phạm Văn T và Phùng Mỹ L1 đã gửi đơn đến Công an huyện B tố giác Nguyễn Hữu K có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 02/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 484/QĐ- ĐTTH, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T giám định: 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, SN: 1963, địa chỉ: Thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc. Biển số đăng ký: 88C - 225.98, do Phòng C Công an tỉnh V, cấp ngày 22/04/2022

có giá trị đến ngày 31/12/2047 do Phùng Mỹ L1 và Phạm Văn T cung cấp, ký hiệu A1, A2.

Tại Bản Kết luận giám định số: 872/KL- KTHS ngày 25/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T đã kết luận: 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô, cùng mang số 88 020459, đứng tên chủ xe Nguyễn Hữu K - SN 1963, địa chỉ: Thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc, biển số đăng ký: 88C - 225.98 - Ký hiệu A1, A2 là giả.

Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 604/QĐ- ĐTTH, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T giám định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hữu K trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Giấy bán, cho, tặng xe), A2 (Giấy vay tiền) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Hữu K trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 có phải do cùng một người ký và viết ra không.

Tại Bản Kết luận giám định số: 1123/KL- KTHS, ngày 05/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T đã kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Hữu K dưới mục "Người bán, cho, tặng xe" ở mặt trước và dưới mục "ký tên" ở mặt sau trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; dưới mục "Đại diện bên B, (vay tiền)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Hữu K trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là do cùng một người ký và viết.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 70/CT-VKSBQ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Nguyễn Hữu K về tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Hữu K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Hữu K về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng Điều 38, Điều 50; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hình phạt chung đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K từ là 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/8/2024. Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy: Không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các Bị hại đã được bồi thường thiệt hại và có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại và người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Toà án vẫn mở phiên toà xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh T; Kết luận giám định số: 1123/KL- KTHS, ngày 05/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T; biên bản thực nghiệm điều tra ngày 12/12/2020; lời khai của các bị hại và người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng tháng 6 năm 2022, Nguyễn Hữu K do làm ăn thua lỗ, cần tiền để xoay vòng nên đã đặt làm giả 02 (*hai*) Chứng nhận đăng ký xe ô tô có nội dung: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, SN: 1963, địa chỉ: thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc. Biển số đăng ký: 88C - 225.98, do Phòng C Công an tỉnh V, cấp ngày 22/04/2022 có giá trị đến ngày 31/12/2047, trên mạng xã hội Facebook của 01 (*một*) người không quen biết, có thông tin quảng cáo *"Nhận làm tất cả mọi loại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô lấy ngay",* Khảm gửi ảnh chụp hai mặt bản phô tô sao y Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459 qua ứng dụng Messenger cho đối tượng nhận làm giả theo yêu cầu của K với giá 3.000.000đ (*ba triệu đồng*),

sau khi nhận được 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả K đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các cá nhân, cụ thể như sau:

[4] Ngày 04/7/2022, Nguyễn Hữu K sử dụng 01 (*một*) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K giả để chiếm đoạt số tiền 180.000.000đ (*một trăm tám mươi triệu đồng*) của Nguyễn Xuân P, sinh năm 1993 và Phùng Mỹ L1, sinh năm 1997, cùng trú tại tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

[5] Ngày 09/01/2023, Nguyễn Hữu K sử dụng 01 (*một*) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K giả để chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) của Phạm Văn T, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

[6] Như vậy, bị cáo Nguyễn Hữu K đã gửi ảnh chụp hai mặt bản phô tô sao y Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459 qua ứng dụng Messenger cho đối tượng nhận làm giả để làm 02 (*hai*) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459 với giá 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), sau khi nhận được 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, bằng thủ đoạn gian dối, Khảm chiếm đoạt tài sản của bị hại P số tiền 180.000.000đ và chiếm đoạt tài sản của bị hại T số tiền 150.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo K chiếm đoạt của 02 bị hại là 330.000.000đ *(Ba trăm ba mươi triệu đồng)*. Do đó, bị cáo Nguyễn Hữu K phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[7] Tại Điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) ...

b) ...

c) Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác…"

[5] Điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng…"

[8] Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K theo bản Cáo trạng số 70/CT-VKSBQ ngày 24/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[9] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật. Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân P và ông Phạm Văn T với tổng số tiền là 330.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước và đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần phải xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

[11] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với hành vi "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng; đối với hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* thì bị cáo Nguyễn Hữu K đã 02 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cũng được xem xét khi áp dụng mức hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể: Tại Bản án số 25 ngày 16/7/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt 24 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* (đã được xóa án tích). Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[13] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[14] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo đang bị tạm giam: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm

giam bị cáo Nguyễn Hữu K để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Các Bị hại đã được bồi thường thiệt hại và có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

[16] Đối với 02 *(hai)* Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, SN: 1963, địa chỉ: thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc. Biển số đăng ký: 88C - 225.98, do Phòng C Công an tỉnh V, cấp ngày 22/04/2022 có giá trị đến ngày 31/12/2047 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ; toàn bộ các tài liệu, vật chứng do chị Phùng Mỹ L1, ông Phạm Văn T giao nộp và tài liệu do cơ quan giám định hoàn lại. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án đang lưu giữ trong hồ sơ, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[17] Đối với anh Nguyễn Hữu M1 và chị Phạm Thị L là con trai và con dâu của Nguyễn Hữu K, quá trình điều tra không chứng minh được anh Nguyễn Hữu M1 và chị Phạm Thị L biết sự việc hoặc có chung động cơ làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe để lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh Nguyễn Xuân P, chị Phùng Mỹ L1 và của ông Phạm Văn T. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với anh Nguyễn Hữu M1 và chị Phạm Thị L là có căn cứ, nên HĐXX không xem xét.

[18] Đối với nguồn gốc 02 (*hai*) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88 020459, tên chủ xe Nguyễn Hữu K, SN: 1963, địa chỉ: thôn C, Y, Y, Vĩnh Phúc. Biển số đăng ký: 88C - 225.98, do Phòng C Công an tỉnh V, cấp ngày 22/04/2022 có giá trị đến ngày 31/12/2047 giả, Nguyễn Hữu K khai nhận mua của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể thông qua mạng Facebook, quá trình điều tra không xác định được người này nên không có căn cứ để điều tra tiếp theo.

[19] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Căn cứ vào Điều 38, Điều 50; Điều 55, của Bộ luật Hình sự; Điều 329, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điều 14, điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về

tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Hữu K phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/8/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu K để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu K được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Tuấn Vĩnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Việt Vinh, huyện BQ;
- UBND xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.